

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đoàn Thị Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Xuân Dệt**.

2. Bà **Tô Thị Lành**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Lệ Quyên** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/20167/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2017 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**. Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 319/28 đường X, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Hà Văn B**. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 319/28 đường X, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà **Trần Thị H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh **Hà Văn B** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/1993 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2011 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai người có quá nhiều khác biệt về lối sống, quan điểm trái ngược nhau nên không thể dung hòa được. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Trước đây tôi đã gửi đơn lên Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng vì con tôi đã cố gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không thể hàn gắn được. Từ đầu năm 2012 đến nay chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan

tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hà Văn B để cả hai người có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Tôi và anh Hà Văn B có hai con chung là Hà Hoàng H, sinh ngày 14/03/1996 và Hà Trần Y, sinh ngày 04/06/2003. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Hà Trần Y.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Hà Văn B. Tuy nhiên, anh Hà Văn B không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh B không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Năm 1993 chị Trần Thị H và anh Hà Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị H thì giữa chị và anh B đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị và anh B đã sống ly thân từ đầu năm 2012 cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trước đây chị H đã nhiều lần nộp đơn lên Tòa để yêu cầu giải quyết ly hôn với anh B nhưng vì con chị đã cố gắng nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh B đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh B đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh B không đến Tòa để làm việc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn B có hai con chung là Hà Hoàng H, sinh ngày 14/3/1996 và Hà Trần Y, sinh ngày 04/6/2003. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Y. Tại bản khai ngày 12/02/2017 cháu Y có nguyện vọng ở với chị H khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, yêu cầu của chị H là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo các quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị đơn là anh Hà Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh B tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Văn B.

- Về hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Hà Văn B đăng ký kết hôn ngày 31/12/1993 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh Bình Định trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Trần Thị H trình bày thì giữa chị và anh B đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị và anh B đã sống ly thân từ đầu năm 2012 cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh B là có thật nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được.

Đối với anh Hà Văn B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để anh tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H nhưng anh B đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không; đến nay thì chị Trần Thị H khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh B, nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh B là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn B có hai con chung là Hà Hoàng H, sinh ngày 14/3/1996 và Hà Trần Y, sinh ngày 04/6/2003. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Hà Trần Y.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với cháu Hà Trần Y từ nhỏ cho đến nay cháu đều ở với chị H, được chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, nay ly hôn chị H vẫn có khả năng và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Đồng thời, nguyện vọng của

cháu Hà Trần Y là muốn ở với mẹ, nguyện vọng của cháu Thiên Ý là chính đáng, đúng pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Hà Trần Y, sinh ngày 04/6/2003 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10 Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hà Văn B.

2. Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Trần Y, sinh ngày 04/6/2003 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002800 ngày 09/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà